

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 157/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 31-5-2021

V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi
con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tạo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Việt Thắng;

Bà Nguyễn Huỳnh Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thêu - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 31 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 118/2021/QĐ-PT ngày 11 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Duy Kh, sinh năm 1987 (xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà Phan Thị T, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khóm 5, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 02 năm 2021 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ thể hiện, nguyên đơn ông Nguyễn Duy Kh trình bày yêu cầu:

- Về hôn nhân: Qua thời gian quen biết và tìm hiểu nhau nên ông Kh và bà T kết hôn với nhau vào năm 2012, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phong Điền, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Khi mới kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc NH đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cự cãi nhau nên mâu

thuần ngày càng trầm Tg và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không có gặp nhau để hàn gắn hôn nhân vì bà T hiện đã sống chung với người đàn ông khác. Xét thấy không thể duy trì cuộc sống vợ chồng nên ông Kh yêu cầu ly hôn với bà T.

- Về con chung: Có 02 người con tên Nguyễn Chúc M, sinh ngày 25/02/2013 (nữ) và Nguyễn Gia H, sinh ngày 21/01/2015 (nam), hiện sống chung với ông Kh. Khi ly hôn ông Kh yêu cầu được nuôi 02 người con là Nguyễn Chúc M và Nguyễn Gia H.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Kh không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn bà Phan Thị T:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, đã hết thời hạn theo quy định pháp luật mà bà T không có văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu xin ly hôn của ông Kh. Đồng thời, Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ 02 lần thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nH bà T không tham gia nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn ông Nguyễn Duy Kh có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, yêu cầu của đương sự phù hợp với khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Bị đơn bà Phan Thị T đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bà T là đúng với quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Ông Kh và bà T kết hôn với nhau vào năm 2012, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phong Điền, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 176 ngày 27 tháng 11 năm 2012. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của ông Kh và bà T được pháp luật công nhận là vợ chồng kể từ thời điểm đăng ký.

Xét thấy, ông Kh xin ly hôn là vì trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung,

thường xuyên cự cãi nhau nên mâu thuẫn ngày càng trầm Tg và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không có gặp nhau để hàn gắn hôn nhân vì bà T hiện đã sống chung với người đàn ông khác. Mặt khác, bà T đã được Tòa án thông báo hòa giải hợp lệ đến lần thứ hai, nH bà T vẫn vắng mặt, từ đó cho thấy bà T không có thiện chí mong muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân giữa bà T với ông Kh. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa ông Kh và bà T đã đến mức trầm Tg, đời sống chung không thể duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc cho nhau nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Kh. Ông Kh được ly hôn với bà T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về nuôi con chung: Ông Kh xác định có 02 người con tên Nguyễn Chúc M, sinh ngày 25/02/2013 (nữ) và Nguyễn Gia H, sinh ngày 21/01/2015 (nam), hiện sống chung với ông Kh. Khi ly hôn, ông Kh yêu cầu được nuôi 02 người con là Nguyễn Chúc M và Nguyễn Gia H. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình thì con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con, Tòa án đã làm việc trực tiếp với cháu Nguyễn Chúc M thì cháu có nguyện vọng sống chung với cha nên Hội đồng xét xử tôn Tg nguyện vọng của cháu, giao con tên Nguyễn Chúc M cho ông Kh được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc. Đối với cháu Nguyễn Gia H, Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi ông Kh và bà T sống ly thân cho đến nay thì cháu H vẫn sống chung với ông Kh, cuộc sống của cháu H đã được ổn định nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Kh, giao con tên Nguyễn Gia H cho ông Kh được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc.

Bà T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Tuy nhiên, lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và công nợ: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự “*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*”, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch 300.000 đồng, người khởi kiện yêu cầu ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án có chấp nhận hay không chấp nhận cho ly hôn đều phải chịu án phí nên ông Kh phải chịu nộp 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30

tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã dự nộp.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Duy Kh. Ông Nguyễn Duy Kh được ly hôn với bà Phan Thị T.

2. Về nuôi con chung: Giao cho ông Nguyễn Duy Kh tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc 02 người con tên Nguyễn Chúc M, sinh ngày 25/02/2013 (nữ) và Nguyễn Gia H, sinh ngày 21/01/2015 (nam).

Bà T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng, ông Kh phải chịu nộp án phí 300.000 đồng, ông Kh có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004642 ngày 18 tháng 02 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được chuyển thu, không phải nộp tiếp.

“Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; vắng mặt tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời;
- UBND xã Phong Điền, H. Trần Văn Thời;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tạo